TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 76/2023/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 05 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 352/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Kim H (TH), sinh năm 1977; địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện G, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ ấp L, xã L1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 59, 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về tài sản chung:

Bà H và ông H1 thống nhất tài sản chung gồm:

- Số tài sản do bà H quản lý gồm: 01 căn nhà (gồm nhà trên, nhà dưới, mái che, hàng rào, cổng rào, sân bê tông, tổng giá trị 326.805.000 đồng) trên thửa đất 271, tờ bản đồ 16 do bà Nguyễn Thị Kim H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất; 01 ti vi hiệu Sam Sung loại 49 inch (giá trị 3.500.000 đồng); 01 máy giặt hiệu Sam Sung (giá trị 1.000.000 đồng); 01 tủ lạnh hiệu Toshiba, loại 409 lít (giá trị 3.000.000 đồng); 02 giường ngủ, gỗ thao lao, loại giường hộp, dài 2,4m x rộng 1,6m (giá trị 2.000.000 đồng/cái); 01 bộ ghế salon gỗ tràm bông vàng (giá trị 3.000.000 đồng); số tiền (rút tiết kiệm) 40.000.000 đồng; số tiền bán trang sức 21.600.000 đồng (gồm: 01 mặt H hột bẹt trắng 2 phân 92, 01 dây bi 3 chỉ 09,1; 01 cà rá dáng H kết tấm + 1 hột 6g20; 01 lắc châu bụng cắt máy 9g72).

- Số tài sản do ông H1 quản lý gồm: 01 chiếc xe gắn máy hiệu Airblade biển số 71- H9 1042 (giá trị 8.000.000 đồng); 01 chiếc xe gắn máy hiệu Boss, biển số 71 – K5. 4740 (giá trị 2.000.000 đồng).

- 15 (mười lăm) chỉ vàng 24k (9999) cho bà Nguyễn Thị N vay (5.500.000 đồng/chỉ x 15 chỉ = 82.500.000 đồng).

Đối với số tài sản chung do bà H, ông H1 quản lý có tổng giá trị là 412.905.000đ (bốn trăm mười hai triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng), bà H và ông H1 thống nhất chia hai (mỗi bên được hưởng ½ giá trị tài sản chung là 206.452.500 đồng). Cụ thể chia như sau:

- Bà H được nhận: 01 căn nhà (gồm nhà trên, nhà dưới, mái che, hàng rào, cổng rào, sân bê tông, tổng giá trị 326.805.000 đồng) trên thửa đất 271, tờ bản đồ 16 do bà Nguyễn Thị Kim H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 ti vi hiệu Sam Sung loại 49 inch (giá trị 3.500.000 đồng); 01 tủ lạnh hiệu Toshiba, loại 409 lít (giá trị 3.000.000 đồng); 01 giường ngủ, gỗ thao lao, loại giường hộp, dài 2,4m x rộng 1,6m (giá trị 2.000.000 đồng); 01 bộ ghế salon gỗ tràm bông vàng (giá trị 3.000.000 đồng); số tiền (rút tiết kiệm) 40.000.000 đồng; tiền bán trang sức 21.600.000 đồng (gồm: 01 mặt H hột bẹt trắng 2 phân 92, 01 dây bi 3 chỉ 09,1; 01 cà rá dáng H kết tấm + 1 hột 6g20; 01 lắc châu bụng cắt máy 9g72). Do bà H nhận hiện vật có tổng giá trị là 399.905.000đ (ba trăm chín mươi chín triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng) nên phải có nghĩa vụ giao lại cho ông H1 số tiền chênh lệch là 193.452.500đ (một trăm chín mươi ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng) vào ngày 27/5/2023.

- Ông H1 được nhận: 01 chiếc xe gắn máy hiệu Airblade biển số 71- H9 1042 (giá trị 8.000.000 đồng); 01 chiếc xe gắn máy hiệu Boss, biển số 71 – K5. 4740 (giá trị 2.000.000 đồng) và số tài sản do bà H có nghĩa vụ giao lại gồm 01 máy giặt hiệu Sam Sung (giá trị 1.000.000 đồng); 01 giường ngủ, gỗ thao lao, loại giường hộp, dài 2,4m x rộng 1,6m (giá trị 2.000.000 đồng). Do ông H1 nhận hiện vật có tổng giá trị là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) nên ông H1 được nhận số tiền chênh lệch do bà H có nghĩa vụ giao lại là 193.452.500đ (một trăm chín mươi ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng) vào ngày 27/5/2023.

Đối với 15 (mười lăm) chỉ vàng 24k (9999) cho bà Nguyễn Thị N vay. Các bên thống nhất thỏa thuận:

- Bà N có nghĩa vụ trả cho bà H 7,5 (bảy phẩy năm) chỉ vàng 24k (9999) vào ngày 27/5/2023.

- Bà N có nghĩa vụ trả cho ông H1 7,5 (bảy phẩy năm) chỉ vàng 24k (9999) vào ngày 27/5/2023.

1.2 Về nợ chung: bà H, ông H1 khai không có, không yêu cầu giải quyết.

1.3 Về chi phí tố tụng: 1.958.000đ (một triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng), bà H, ông H1 mỗi bên phải chịu một nữa là 979.000đ (chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Do bà H đã nộp toàn bộ tạm ứng chi phí tố tụng và đã quyết toán xong nên ông H1 phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền là 979.000đ (chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

1.4 Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do hòa giải thành được giảm 50% theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bà H phải nộp số tiền (206.452.500 đồng x 2,5%) là 5.161.313đ (năm triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn ba trăm mười ba đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0009206 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, bà H còn phải nộp tiếp số tiền là 1.411.313đ (một triệu bốn trăm mười một nghìn ba trăm mười ba đồng).

- Ông H1 phải nộp số tiền (206.452.500 đồng x 2,5%) là 5.161.313đ (năm triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn ba trăm mười ba đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.435.500đ (một triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0011198 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, ông H1 còn phải nộp tiếp số tiền là 3.725.813đ (ba triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm mười ba đồng).

- Bà N phải nộp số tiền (5.500.000 đồng/chỉ x 15 chỉ x 2,5%) là 2.062.500đ (hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- TAND tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên